

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-4-2022

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Đức L tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/4/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung và ông L có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông

bà đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay và cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 18/10/2006. Hiện tại, cháu Ph đang sống chung với ông L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông L thì bà L đồng ý giao cháu Ph cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:

Ông L thống nhất với ý kiến trình bày của bà L về quá trình chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo ông L, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm trong việc triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông L thì ông không đồng ý vì ông còn thương bà L và vì con còn nhỏ cần hai vợ chồng trông nom, chăm sóc, giáo dục.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà L có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 18/10/2006. Hiện tại, cháu Ph đang sống chung với ông L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông L thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung với ông L. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Đức L có hộ khẩu thường trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy rằng:

[3.1] Bà L và ông L xác lập quan hệ vợ chồng năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/4/2005 nên hôn nhân giữa bà L và ông L là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà L và ông L bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung; ông L có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông L cho rằng còn thương vợ, không muốn ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi bà L kiên quyết yêu cầu được ly hôn; chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lạc.

[4] Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng:

[4.1] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 18/10/2006. Hiện tại, cháu Ph đang sống chung với ông L và theo nguyện vọng của cháu Ph là được sống chung với ông L khi cha mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đồng ý giao cháu Ph cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Ph được phát triển khỏe mạnh, bình thường như bao đứa trẻ khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ph cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông L không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông L cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" với ông Nguyễn Đức L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với ông Nguyễn Đức L.

2. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Đức L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 18/10/2006. Bà Nguyễn Thị Hồng L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 18/10/2006.

Bên không nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 000.8357 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, bà L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND xã An Thạnh, huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông